

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 – 6</b>
<b>Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán</b>	<b>7 – 58</b>
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2025</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2025</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025</i>	<i>14 – 57</i>
<b>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>58</b>

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tiên thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 25 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25 số 2500217389 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở tài chính tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22 tháng 09 năm 2025 về việc thay đổi vốn điều lệ.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 25: 386.202.350.000 đồng*

### TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ  
Điện thoại : 0211 3 873 568  
Fax : 0211 3 530 265/3 548 020  
E-mail : Info@nagakawa.com.vn  
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 58).

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo tổng hợp này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Đoàn Đức Hòa	Ủy viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban
Bà Vũ Hải Yến	Thành viên
Bà Phạm Thị Huệ Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Tổng Giám đốc
Bà Huy Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Bá Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Phượng	Kế toán trưởng

Miễn nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2025

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phú Thọ, ngày 31 tháng 03 năm 2026  
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Huyền Thương**

Số : 2807.01.05/2025/BCTC-NTV2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP** **Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026 từ trang 07 đến trang 58, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Phạm Văn Tuấn**

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1

**Nguyễn Thị Tuyết**

GCNĐKHNKT số: 1475-2023-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.920.136.052.344</b>	<b>1.535.787.523.269</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>237.699.441.967</b>	<b>60.277.937.679</b>
1. Tiền	111		6.434.095.967	10.277.937.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		231.265.346.000	50.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>217.452.700.000</b>	<b>314.875.185.547</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	217.452.700.000	314.875.185.547
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>791.204.425.790</b>	<b>580.398.812.608</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	688.346.207.745	515.404.540.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	82.010.222.794	32.512.000.329
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	10.813.960.000	22.996.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	13.126.073.488	12.586.925.256
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(3.092.038.237)	(3.100.653.437)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>672.013.274.990</b>	<b>577.997.189.249</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	674.269.911.627	581.282.182.683
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(2.256.636.637)	(3.284.993.434)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.766.209.597</b>	<b>2.238.398.186</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.517.248.391	2.159.533.389
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		248.961.206	78.864.797
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>273.627.971.426</b>	<b>216.538.435.732</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>890.821.420</b>	<b>890.821.420</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	890.821.420	890.821.420
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.267.600.737</b>	<b>18.546.852.715</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	13.118.493.011	16.715.234.687
<i>Nguyên giá</i>	222		83.594.511.385	82.685.420.476
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(70.476.018.374)	(65.970.185.789)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	14.149.107.726	1.831.618.028
<i>Nguyên giá</i>	228		16.995.712.600	3.995.712.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.846.604.874)	(2.164.094.572)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.12	<b>48.127.233.750</b>	-
<i>Nguyên giá</i>	231		48.127.233.750	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.259.395.000</b>	<b>193.780.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	3.259.395.000	193.780.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>193.322.955.000</b>	<b>193.412.668.742</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	156.869.955.000	156.869.955.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	24.000.000.000	24.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(7.547.000.000)	(7.457.286.258)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>759.965.519</b>	<b>3.494.312.855</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	759.965.519	3.494.312.855
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.193.764.023.770</b>	<b>1.752.325.959.001</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.716.284.551.425</b>	<b>1.327.136.884.726</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.716.284.551.425</b>	<b>1.327.136.884.726</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	173.798.916.004	147.902.947.738
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	13.733.581.672	8.841.215.581
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	20.530.495.685	21.544.739.184
4. Phải trả người lao động	314		1.855.499.134	1.821.652.013
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.545.718.695	4.997.482.640
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.351.670.338	1.582.048.209
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	1.496.505.392.889	1.135.906.992.519
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	3.758.619.955	3.335.149.789
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.204.657.053	1.204.657.053
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tô dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>477.479.472.345</b>	<b>425.189.074.275</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>477.479.472.345</b>	<b>425.189.074.275</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		386.202.350.000	341.777.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		386.202.350.000	341.777.690.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.148.010.000	5.348.010.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.897.270.675	9.550.061.788
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.231.861.670	68.513.332.487
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38.564.463.600	42.370.512.344
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.667.398.070	26.142.820.143
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.193.764.023.770</b>	<b>1.752.325.959.001</b>


Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
 Phạm Thị Cẩm Vân

  
 Trịnh Thị Phương



  
 Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.305.510.172.162	2.655.867.040.646
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		46.133.098.927	11.321.139.895
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.259.377.073.235	2.644.545.900.751
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.059.747.345.830	2.455.837.677.582
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		199.629.727.405	188.708.223.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21.738.682.162	23.859.999.703
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	85.350.238.285	70.243.621.973
Trong đó: chi phí lãi vay	23		73.731.350.205	63.310.719.995
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	60.434.406.055	86.536.773.414
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26.612.671.076	25.003.380.050
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.971.094.151	30.784.447.435
11. Thu nhập khác	31	VI.7	499.408.416	4.636.489.295
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.706.845.549	2.105.907.155
13. Lợi nhuận khác	40		(2.207.437.133)	2.530.582.140
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.763.657.018	33.315.029.575
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	10.096.258.948	7.172.209.432
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>36.667.398.070</u>	<u>26.142.820.143</u>

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Cẩm Vân

Trịnh Thị Phượng

Nguyễn Thị Huyền Thương



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.763.657.018	33.315.029.575
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.188.342.887	5.743.766.444
- Các khoản dự phòng	03		(523.788.089)	1.232.592.159
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(10.322)	(180.171.314)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.900.364.567)	(19.878.356.655)
- Chi phí lãi vay	06		73.731.350.205	63.310.719.995
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		108.259.187.132	83.543.580.204
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(190.239.294.774)	(42.229.840.971)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(92.987.728.944)	13.288.451.814
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		18.494.397.976	9.986.237.988
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.376.632.334	5.162.625.333
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(73.327.488.544)	(63.808.913.853)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.172.977.092)	(8.950.035.952)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(104.344.908)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(233.597.271.912)</b>	<b>(3.112.240.345)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(91.317.848.750)	(697.960.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	150.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(220.167.476.198)	(272.608.115.745)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		316.719.501.745	118.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(13.100.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.104.151.220	12.680.746.484
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>20.338.328.017</b>	<b>(154.975.329.261)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		15.823.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.268.774.986.014	2.598.658.927.092
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.893.917.537.831)	(2.419.166.236.547)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>390.680.448.183</b>	<b>179.492.690.545</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>177.421.504.288</b>	<b>21.405.120.939</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>60.277.937.679</b>	<b>38.872.816.740</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>237.699.441.967</b>	<b>60.277.937.679</b>

Người lập biểu

Phạm Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Phượng

Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Huyền Thương



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại

3. **Khái quát về công ty:**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 25 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25 số 2500217389 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở tài chính tỉnh Phú Thọ cấp ngày 22 tháng 09 năm 2025 về việc thay đổi vốn điều lệ.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 25: 386.202.350.000 đồng.*

#### TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ  
Điện thoại : 0211 3 873 568  
Fax : 0211 3 530 265/3 548 020  
E-mail : Info@nagakawa.com.vn  
Mã số thuế : 25 0 0 2 1 7 3 8 9

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện./.

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính công ty có 71 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 71 nhân viên).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****7. Cấu trúc doanh nghiệp:****Các Công ty con (\*):**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ gia dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, phường Cầu Kiệu, TP Hồ Chí Minh	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ gia dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 3 Tòa nhà Gold Tower, 275 Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Thôn Vĩnh Bảo, xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên	Cho thuê kho và Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	96,92%	96,92%
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa	Số 56, ngõ 109, đường Cầu Bươu, Tổ dân phố 15, phường Kiến Hưng, Hà Nội	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính	55%	55%

(\*) Các Công ty con của công ty đều đang hoạt động bình thường

**Các Công ty liên doanh liên kết:**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần may KLW Việt Nam	Lô M, Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Bình Nguyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.	Gia công may mặc (Hoạt động bình thường)	48%	48%

**Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:**

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, TP Hà Nội	Bán lẻ, bán buôn điều hòa, thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng (Hoạt động bình thường)

- 8. Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp:** Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

## **II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

### 3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 26.085 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 26.300 VND/USD.

### 4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

848  
G T  
HH  
TOA  
M V  
5 H

736  
TY  
AN  
AN  
W  
AN

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

##### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là công ty được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có. Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

#### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa tìm được đơn vị tư vấn phù hợp, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí trả trước khác***

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

#### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **13. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

##### ***Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa***

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 0.5% - 1% trên bằng trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

#### 15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong năm, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 28 tháng 03 năm 2025. Theo đó, Cổ tức lợi nhuận trả cho Cổ đông là 28.608.050.000 VND bằng cổ phiếu.

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### **20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### **21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **23. Công cụ tài chính**

##### ***a) Tài sản tài chính***

##### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### ***b) Nợ phải trả tài chính***

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tô dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### **c) Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Báo cáo theo bộ phận được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.384.746.942	2.716.631.712
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.049.349.025	7.561.305.967
Các khoản tương đương tiền	231.265.346.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>237.699.441.967</u></b>	<b><u>60.277.937.679</u></b>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

###### a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	217.452.700.000	217.452.700.000	314.875.185.547	314.875.185.547
<b>Cộng</b>	<b><u>217.452.700.000</u></b>	<b><u>217.452.700.000</u></b>	<b><u>314.875.185.547</u></b>	<b><u>314.875.185.547</u></b>

(\*) Là các sổ tiết kiệm có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm tại các ngân hàng:

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội: 28.000.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An: 8.250.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn: 32.800.000.000 VND.

+ Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK – CN TP. Hồ Chí Minh: 10.000.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam: 20.402.700.000 VND.

+ Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Woori Việt Nam: 39.000.000.000 VND.

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam: 79.000.000.000 VND.

Các khoản tiền gửi này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng trên. (Xem thuyết minh V.19)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>156.869.955.000</b>	<b>(7.547.000.000)</b>	<b>149.322.955.000</b>	<b>156.869.955.000</b>	<b>(7.457.286.258)</b>	<b>149.412.668.742</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa (1)	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng (2)	2.600.000.000	(2.600.000.000)	-	2.600.000.000	(2.510.286.258)	89.713.742
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh (3)	4.947.000.000	(4.947.000.000)	-	4.947.000.000	(4.947.000.000)	-
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa (4)	10.200.000.000	-	10.200.000.000	10.200.000.000	-	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên (5)	128.422.955.000	-	128.422.955.000	128.422.955.000	-	128.422.955.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa (6)	1.100.000.000	-	1.100.000.000	1.100.000.000	-	1.100.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>24.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (7)	24.000.000.000	-	24.000.000.000	24.000.000.000	-	24.000.000.000
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (8)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.869.955.000</b>	<b>(7.547.000.000)</b>	<b>193.322.955.000</b>	<b>200.869.955.000</b>	<b>(7.457.286.258)</b>	<b>193.412.668.742</b>

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 số 2500386108 ngày 24 tháng 05 năm 2018, vốn điều lệ là 12.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp vốn 9.600.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 số 0401789381 ngày 16 tháng 05 năm 2018 với vốn điều lệ là 5.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp số tiền 2.600.000.000 VND, tương đương 52% vốn điều lệ.

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty đầu tư số 0314005672 lần thứ 4 với vốn điều lệ là 9.700.000.000. Đến nay đơn vị đã góp 4.947.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(4) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 2 số 0107952812 với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp số tiền 10.200.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

(5) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên, theo các hợp đồng mua cổ phần sau:

+ Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 10/11/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa và Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Việt Phúc về việc chuyển nhượng 600.000 cổ phần mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu tương ứng 23,077% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên với giá chuyển nhượng là 13.500.045.000 VND.

+ Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 10/11/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa và Bà Nguyễn Thị Lan Hương về việc chuyển nhượng 1.920.000 cổ phần mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu tương ứng 73,846% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên với giá chuyển nhượng là 43.199.910.000 VND.

+ Theo Nghị quyết HĐQT số 27/2022/NQ-HĐQT-NAG ngày 29/8/2022 thông qua việc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa góp thêm vốn theo tỷ lệ sở hữu vốn hiện hữu tại Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên khi Công ty này thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 26.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa góp thêm 71.723.000.000 VND tương đương 717.230 cổ phần, nâng tổng số cổ phần lên thành 969.230 cổ phần với mệnh giá 100.000 VND/cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 số 0900251422 với vốn điều lệ là 100.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã mua 969.230 cổ phần, tương ứng với 96.923.000.000 VND vốn điều lệ, tương đương 96,92% vốn điều lệ.

(6) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 số 0110532695 với vốn điều lệ là 2.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp số tiền 1.100.000.000 VND, tương đương 55% vốn điều lệ.

(7) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương ứng 1.200.000 cổ phần, giá trị cổ phần 12.000.000.000 VND. Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 08/HĐQT/NQ-NAG ngày 02/08/2024, công ty đã thực hiện góp thêm 12.000.000.000 VND, nâng tổng vốn điều lệ Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam là 24.000.000.000 VND, chiếm 48% vốn điều lệ.

(8) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số CTG2232T2/01-1269, ngày phát hành là 20/7/2023 đến ngày 20/07/2033. Số lượng trái phiếu là 200.000 với giá trị là 20.000.000.000 VND Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(7.457.286.258)	(7.476.692.969)
Trích lập dự phòng bổ sung	(89.713.742)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	19.406.711
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(7.547.000.000)</u></b>	<b><u>(7.457.286.258)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>348.152.919.411</b>	<b>298.396.430.928</b>
Công ty Cổ phần điện tử Nagakawa	87.001.294.965	83.836.951.270
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.589.137.307	-
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	39.827.719.541	24.025.983.543
Công ty Cổ phần Nagakawa Thành phố Hồ Chí Minh	169.410.922.479	118.181.137.332
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa	56.494.800	91.093.200
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	145.672.238	71.908.000.583
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	50.121.678.081	353.265.000
<b><i>Phải thu các khách hàng khác (*)</i></b>	<b>340.193.288.334</b>	<b>217.008.109.532</b>
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại Hải Phòng	9.034.553.000	8.827.553.000
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố Hà Nội	3.771.190.000	4.682.093.000
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	249.759.519.652	130.040.453.329
Công ty cổ phần đầu tư MK Việt Nam	11.697.248.977	10.085.625.708
Các khách hàng khác	65.930.776.705	63.372.384.495
<b>Cộng</b>	<b>688.346.207.745</b>	<b>515.404.540.460</b>

(\*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>	<b>32.500.000.000</b>	<b>1.793.474.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	-	1.793.474.000
Ông Nguyễn Đức Khả (1)	12.500.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương (2)	20.000.000.000	-
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b>49.510.222.794</b>	<b>30.718.526.329</b>
CJ Century Technology SDN.BHD	35.251.892.244	-
Các nhà cung cấp khác	14.258.330.550	30.718.526.329
<b>Cộng</b>	<b>82.010.222.794</b>	<b>32.512.000.329</b>

(1) Là khoản đặt cọc mua đất tại địa chỉ số 92, Ngõ 274, phố Nguyễn Lâm, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Nay là Số 92, Ngõ 274, phố Nguyễn Lâm, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội) theo hợp đồng số 01/HDDC/NAG-SK ngày 29/12/2025.

(2) Là khoản đặt cọc mua đất tại địa chỉ Xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. (Nay là phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên) theo hợp đồng số 02/HDDC/NAG-TC ngày 03/12/2025.

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>10.813.960.000</b>	<b>22.996.000.000</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	10.813.960.000	22.996.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.813.960.000</b>	<b>22.996.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****6. Phải thu khác****a) Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.627.423.381</b>	<b>-</b>	<b>1.062.208.221</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam				
– Lãi cho vay	1.627.423.381	-	643.546.302	-
Công ty cổ phần Việt Phúc Hưng Yên				
– Lãi cho vay	-	-	418.661.919	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>11.498.650.107</b>	<b>-</b>	<b>11.524.717.035</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	26.798.685	-	93.504.179	-
Ký cược, ký quỹ	1.115.271.335	-	828.271.335	-
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng	10.356.580.087	-	7.413.165.721	-
Phải thu về lãi cho vay cá nhân	-	-	3.189.699.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	76.800	-
<b>Cộng</b>	<b>13.126.073.488</b>	<b>-</b>	<b>12.586.925.256</b>	<b>-</b>

**b) Phải thu khác dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	890.821.420	-	890.821.420	-
<b>Cộng</b>	<b>890.821.420</b>	<b>-</b>	<b>890.821.420</b>	<b>-</b>

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(3.100.653.437)	-	(3.100.653.437)
Hoàn nhập dự phòng	8.615.200	-	8.615.200
<b>Số cuối năm</b>	<b>(3.092.038.237)</b>	<b>-</b>	<b>(3.092.038.237)</b>

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (*)	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	12.738.071.809	-	34.132.326.855	-
Nguyên liệu, vật liệu	238.129.313.086	-	204.973.670.341	-
Công cụ, dụng cụ	475.279.448	-	511.438.880	-
Thành phẩm	3.197.141.782	-	3.197.141.782	-
Hàng hóa	400.754.524.436	(2.256.636.637)	319.492.023.759	(3.284.993.434)
Hàng gửi đi bán	18.975.581.066	-	18.975.581.066	-
<b>Cộng</b>	<b>674.269.911.627</b>	<b>(2.256.636.637)</b>	<b>581.282.182.683</b>	<b>(3.284.993.434)</b>

(\*) Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong năm là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ, Công ty tiếp tục thực

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)***hiện thanh lý, chia tách các bộ phận còn có thể sử dụng của những mặt hàng này và trích lập dự phòng bổ sung để phản ánh chính xác giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.*

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.284.993.434)	(2.508.174.698)
Trích lập dự phòng bổ sung	(613.368.329)	(943.220.058)
Hoàn nhập dự phòng	1.641.725.126	166.401.322
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(2.256.636.637)</u></b>	<b><u>(3.284.993.434)</u></b>

**9. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thử nghiệm điện - điện tử	417.023.129	324.029.980
Biển hiệu quảng cáo, kệ và vách trưng bày sản phẩm	581.666.517	1.460.695.362
Chi phí bảo hiểm	274.217.504	56.541.161
Chứng nhận sản phẩm hợp quy	-	36.728.494
Chi phí mua, gia hạn phần mềm	124.877.642	152.536.429
Chi phí trả trước khác	119.463.599	129.001.963
<b>Cộng</b>	<b><u>1.517.248.391</u></b>	<b><u>2.159.533.389</u></b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	494.773.260	455.729.464
Chi phí làm biển quảng cáo	252.178.461	2.917.847.898
Chi phí mua phần mềm	590.673	65.888.649
Chi phí trả trước khác	12.423.125	54.846.844
<b>Cộng</b>	<b><u>759.965.519</u></b>	<b><u>3.494.312.855</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quân lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	33.762.537.100	35.697.505.597	12.131.543.421	575.158.282	518.676.076	82.685.420.476
Mua trong năm	-	-	909.090.909	-	-	909.090.909
<b>Số cuối năm</b>	<b>33.762.537.100</b>	<b>35.697.505.597</b>	<b>13.040.634.330</b>	<b>575.158.282</b>	<b>518.676.076</b>	<b>83.594.511.385</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	10.734.419.531	28.247.666.444	5.115.240.694	356.168.280	426.753.076	44.880.248.025
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	26.199.410.806	29.543.738.965	9.278.870.290	467.790.902	480.374.826	65.970.185.789
Khấu hao trong năm	2.190.672.629	832.862.052	1.418.451.676	45.461.628	18.384.600	4.505.832.585
<b>Số cuối năm</b>	<b>28.390.083.435</b>	<b>30.376.601.017</b>	<b>10.697.321.966</b>	<b>513.252.530</b>	<b>498.759.426</b>	<b>70.476.018.374</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	7.563.126.294	6.153.766.632	2.852.673.131	107.367.380	38.301.250	16.715.234.687
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.372.453.665</b>	<b>5.320.904.580</b>	<b>2.343.312.364</b>	<b>61.905.752</b>	<b>19.916.650</b>	<b>13.118.493.011</b>

+ Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 70.292.398.839 VND và 11.043.964.304 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.

+ Tài sản cố định là xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes-Benz BKS 30F-798.91 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.305.978.182 VND và 0 VND và Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.799.952.727 VND và 318.365.229 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm:

	Nguyên giá	Khấu hao	Cộng
Số đầu năm	3.995.712.600	2.164.094.572	1.831.618.028
Tăng trong năm	13.000.000.000	682.510.302	12.317.489.698
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.995.712.600</b>	<b>2.846.604.874</b>	<b>14.149.107.726</b>

Phần mềm máy vi tính có nguyên giá 1.353.212.600 VND, thời gian khấu hao 03 năm, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

**12. Bất động sản đầu tư**

Là các quyền sử dụng đất bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 69; Diện tích: 125 m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; Thời gian sử dụng: lâu dài tại địa chỉ Lô 05 A6-2 Nguyễn Tất Thành, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY820588 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/06/2015. Giá trị chuyển nhượng: 24.000.000.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa và bà Nguyễn Thị Hoa Hồng ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại văn phòng công chứng sông Hàn, địa chỉ: 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

+ Quyền sử dụng đất với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 69; Diện tích: 125 m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; Thời gian sử dụng: lâu dài tại địa chỉ Lô 06 A6-2 Nguyễn Tất Thành, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY820589 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/06/2015. Giá trị chuyển nhượng: 24.000.000.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa và bà Nguyễn Thị Hoa Hồng ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại văn phòng công chứng sông Hàn, địa chỉ: 90 Hải Phòng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa tìm được đơn vị tư vấn phù hợp, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư này trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	153.780.000	3.065.615.000	-	3.219.395.000
Chi phí làm phim quảng cáo, nhận diện thương hiệu	153.780.000	-	-	153.780.000
Phần mềm quản lý bảo hành ERP	-	3.065.615.000	-	3.065.615.000
Xây dựng cơ bản dở dang	40.000.000	-	-	40.000.000
Xây dựng biện pháp phòng chống hóa chất	40.000.000	-	-	40.000.000
<b>Cộng</b>	<b>193.780.000</b>	<b>3.065.615.000</b>	<b>-</b>	<b>3.259.395.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>40.858.021.022</b>	<b>17.089.736.313</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	37.892.806.022	15.649.736.313
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	2.400.000.000	1.440.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa	565.215.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>132.940.894.982</b>	<b>130.813.211.425</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Điện tử Minh Long	14.702.693.888	29.620.543.889
Công ty cổ phần đầu tư MK Việt Nam	14.152.869.426	5.931.549.828
Công ty cổ phần Tramexco	22.837.214.441	8.113.615.718
Các nhà cung cấp khác	81.248.117.227	87.147.501.990
<b>Cộng</b>	<b><u>173.798.916.004</u></b>	<b><u>147.902.947.738</u></b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<b>773.315.787</b>	<b>3.471.566.449</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	773.315.787	3.471.566.449
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>12.960.265.885</b>	<b>5.369.649.132</b>
Công ty cổ phần xây dựng kỹ thuật SH Việt Nam	2.315.855.100	2.315.855.100
Công ty TNHH phát triển thương mại Hưng Thịnh	2.965.540.280	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại A2T	1.382.284.395	-
Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	3.078.800.078	-
Các khách hàng khác	3.217.786.032	3.053.794.032
<b>Cộng</b>	<b><u>13.733.581.672</u></b>	<b><u>8.841.215.581</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.677.395.410	-	9.630.716.642	(11.027.894.064)	9.280.217.988	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.184.768.123	-	152.691.411.950	(154.796.905.086)	79.274.987	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.658.361.125	-	146.900.562.288	(147.358.118.284)	1.200.805.129	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.807.012.550	(3.807.012.550)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.505.926.601	-	10.096.258.948	(7.172.977.092)	9.429.208.457	-
Thuế thu nhập cá nhân	164.897.095	-	1.544.910.492	(1.592.986.449)	116.821.138	-
Tiền thuế đất	-	-	424.167.986	-	424.167.986	-
Các loại thuế khác	353.390.830	-	5.000.000	(358.390.830)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.544.739.184</b>	<b>-</b>	<b>325.100.040.856</b>	<b>(326.114.284.355)</b>	<b>20.530.495.685</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa 10%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ 10%, 8%

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

***Các loại thuế khác***

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	2.545.718.695	2.412.592.042
Trích trước chi phí chiết khấu hàng bán, chương trình khuyến mãi	-	2.407.500.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	177.390.598
<b>Cộng</b>	<b><u>2.545.718.695</u></b>	<b><u>4.997.482.640</u></b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	<i>129.782.821</i>
Công ty Cổ phần May KLW Việt Nam - Phải trả về lãi vay	-	129.782.821
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.351.670.338</i>	<i>1.452.265.388</i>
Kinh phí công đoàn	494.012.248	324.428.948
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	839.540.050	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.018.118.040	1.018.118.040
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	109.718.400
<b>Cộng</b>	<b><u>2.351.670.338</u></b>	<b><u>1.582.048.209</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.496.505.392.889</b>	<b>1.496.505.392.889</b>	<b>1.135.906.992.519</b>	<b>1.135.906.992.519</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	388.421.153.474	388.421.153.474	385.276.762.665	385.276.762.665
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (2)	79.352.852.736	79.352.852.736	79.963.217.714	79.963.217.714
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (3)	377.488.368.093	377.488.368.093	306.424.549.728	306.424.549.728
Ngân Hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa	-	-	76.988.376.825	76.988.376.825
Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (4)	183.814.842.956	183.814.842.956	187.337.034.666	187.337.034.666
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (5)	139.506.915.415	139.506.915.415	99.917.050.921	99.917.050.921
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - CN Thái Thịnh (6)	249.996.194.334	249.996.194.334	-	-
Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Woori Việt Nam (7)	77.925.065.881	77.925.065.881	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.496.505.392.889</b>	<b>1.496.505.392.889</b>	<b>1.135.906.992.519</b>	<b>1.135.906.992.519</b>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 1504/2025-HĐCVHM/NHCT320-HTGT ngày 16 tháng 04 năm 2025 với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư bảo lãnh, L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Quyền sử dụng đất số V930401, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 01510/QSDĐ/449B/2003/QĐ-UB do UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26/06/2003 cho Bà Nguyễn Thị Huyền Thương và Ông Nguyễn Mạnh Cường. HĐTC TS số 50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HUNGYEN ngày 18/06/2018.

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt Quận Thanh Xuân, Hà Nội ( nay là số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019, Hồ sơ gốc số 3015-2003-QĐUB/8623.2003 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 2/6/2003 cho ông Lưu Văn Thắt và Bà La Thị Nga. Ngày 21/11/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xác nhận chuyển nhượng cho bà Đào Thị Soi theo hợp đồng chuyển nhượng số 10121293/ HHDCN ngày

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

29/10/2012 tại Phòng công chứng Mỹ Đình, TP Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 số GCN: 01674-2144 QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 21/12/2005 cho ông Đỗ Quách Cương. Ngày 17/4/2015 văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hoàng Mai xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi theo hồ sơ số 1181 ngày 14/4/2015 theo hợp đồng thế chấp số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DE 216785, số vào sổ cấp GCN: CS 31027 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/06/2022 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT320-CANHORI ký ngày 6/7/2022.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ Thôn Đông Lý, Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số DN 115300; số vào sổ cấp GCN 06712 Q26/T95 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Giang cấp cho chủ sở hữu: Ông Hoàng Văn Tuyền và bà Bùi Lệ Hằng.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ Khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số BG 952425; số vào sổ cấp GCN CT 09311 do UBND thành phố Đà Nẵng xác nhận chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng

+ Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG2232T2/01 với tổng giá trị Trái phiếu 20.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 2007/2023/HĐBĐ/NHCT320-TP-NAGAKAWA lập ngày 20 tháng 07 năm 2023.

+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2021/HĐBĐ/NHCT/320-NAG ngày 25 tháng 02 năm 2021.

+ Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam theo hợp đồng thế chấp động sản số 2804/2021/HĐBĐ/NHCT320-MAYMOCKLV ngày 28 tháng 04 năm 2021.

+ Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66, thuộc chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAGAKAWA ký ngày 19 tháng 10 năm 2020.

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTC/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng giá trị 141.820.546.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 340899.25.051.879737.TD ngày 21 tháng 10 năm 2025 với giá trị hạn mức tín dụng là 130 tỷ; hạn mức cho vay 80 tỷ, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 50 tỷ, hạn mức phát hành L/C: 50 tỷ. Giới hạn giá trị cấp tín dụng đối với: Tổng giới hạn các hạn mức là 80 tỷ; hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán đối với lĩnh vực nhập linh kiện/thiết bị phục vụ việc lắp ráp tối đa 30 tỷ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 25 tháng 09 năm 2026 kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị bếp của khách hàng. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 272273 do UBND Quận Hoàng Mai cấp ngày 18/09/2007 cho bà Đào Thị Soi.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn với tổng giá trị 37.800.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(3) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2024/367653/HĐTD ngày 31 tháng 10 năm 2025, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 đồng, hạn mức đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng 01/2024/367653/HĐTD ngày 15 tháng 09 năm 2024, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn (theo hợp đồng thế chấp số 02/2019/367653/HĐBĐ ngày 18/09/2019).

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2019/367653/HĐBĐ ngày 18/11/2019.

+ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả theo Hợp đồng cầm cố số 02/2020/367653/HĐBĐ ngày 30/06/2020.

+ Thế chấp toàn bộ nhà xưởng tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 10, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 26/05/2021.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với tổng giá trị 20.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(4) Là khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank- Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 143/2023/FA.01 ngày 27 tháng 12 năm 2023 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 200.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 03 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

phục vụ hoạt động kinh doanh điều hòa, linh kiện điều hòa, thiết bị nhà bếp, thiết bị gia dụng.  
Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Hồ Chí Minh với tổng giá trị 100.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng số 1703LAV250049401 ngày 09 tháng 05 năm 2025; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ký ngày 16 tháng 06 năm 2025 với tổng hạn mức tín dụng 200.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng đến hết ngày 09 tháng 10 năm 2025 kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn ngắn hạn để kinh doanh sản xuất đồ điện dân dụng, sản xuất điều hòa không khí và các sản phẩm khác. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam với tổng giá trị 76.347.500.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số MMD20253653942/HDCTD ngày 06 tháng 10 năm 2025 với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư bảo lãnh, L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 05 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Quyền sử dụng đất với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 69; Diện tích: 125 m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; Thời gian sử dụng: lâu dài tại địa chỉ Lô 05 A6-2 Nguyễn Tất Thành, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY820588 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/06/2015. Quyền sử dụng đất với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 69; Diện tích: 125 m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; Thời gian sử dụng: lâu dài tại địa chỉ Lô 06 A6-2 Nguyễn Tất Thành, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY820589 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02/06/2015. Giá trị tài sản thế chấp là 30.007.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số MMD20253693246/HDTG ngày 06/10/2025.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với tổng giá trị 79.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(7) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo hợp đồng cho vay hạn mức số VN125009424/WBVN304 ngày 05 tháng 09 năm 2025; Phụ lục sửa đổi bổ sung số 01-PLHĐCV-VN125009424-001/WBVN304 với tổng mức cấp dư nợ vay 78.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 09 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Tài sản thế chấp là hàng hóa thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa với giá trị thế chấp 40.950.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số VN00044371 ký ngày 05/09/2025.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam với tổng giá trị 39.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do đối trừ tiền gửi có kỳ hạn	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>1.135.906.992.519</b>	<b>3.267.274.986.014</b>	<b>(2.892.417.537.831)</b>	<b>(14.259.047.813)</b>	<b>1.496.505.392.889</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	385.276.762.665	953.943.870.618	(950.799.479.809)	-	388.421.153.474
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (2)	79.963.217.714	158.955.974.943	(159.566.339.921)	-	79.352.852.736
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (3)	306.424.549.728	833.217.705.515	(762.153.887.150)	-	377.488.368.093
Ngân Hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa	76.988.376.825	143.804.057.448	(206.533.386.460)	(14.259.047.813)	-
Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (4)	187.337.034.666	559.837.843.368	(563.360.035.078)	-	183.814.842.956
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (5)	99.917.050.921	289.494.273.907	(249.904.409.413)	-	139.506.915.415
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - CN Thái Thịnh (6)	-	250.096.194.334	(100.000.000)	-	249.996.194.334
Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Woori Việt Nam (7)	-	77.925.065.881	-	-	77.925.065.881
<b>Vay ngắn hạn cá nhân</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>(1.500.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.135.906.992.519</b>	<b>3.268.774.986.014</b>	<b>(2.893.917.537.831)</b>	<b>(14.259.047.813)</b>	<b>1.496.505.392.889</b>

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	3.335.149.789	5.748.186.897	-	(5.324.716.731)	3.758.619.955
<b>Cộng</b>	<b>3.335.149.789</b>	<b>5.748.186.897</b>	<b>-</b>	<b>(5.324.716.731)</b>	<b>3.758.619.955</b>

**21. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	868.423.473	-	-	868.423.473
Quỹ phúc lợi	336.233.580	-	-	336.233.580
<b>Cộng</b>	<b>1.204.657.053</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.204.657.053</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

**22. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	5.348.010.000	(20.000)	8.292.554.359	69.443.302.745	399.549.257.104
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	26.142.820.143	26.142.820.143
Trích lập các quỹ	-	-	1.257.507.429	(1.760.510.401)	(503.002.972)
Chia cổ tức, lợi nhuận bằng cổ phiếu	25.312.280.000	-	-	(25.312.280.000)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>5.348.010.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>9.550.061.788</b>	<b>68.513.332.487</b>	<b>425.189.074.275</b>
Số dư đầu năm nay	5.348.010.000	(20.000)	9.550.061.788	68.513.332.487	425.189.074.275
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	28.601.660.000	-	-	(28.601.660.000)	-
Phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên	15.823.000.000	(200.000.000)	-	-	15.623.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	36.667.398.070	36.667.398.070
Trích lập các quỹ	-	-	1.347.208.887	(1.347.208.887)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>5.148.010.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>10.897.270.675</b>	<b>75.231.861.670</b>	<b>477.479.472.345</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****b) Phân phối lợi nhuận**

Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 28 tháng 03 năm 2025 như sau:

	VND
• Chia cổ tức bằng cổ phiếu 8% vốn điều lệ	: 28.608.050.000
• Quỹ đầu tư phát triển 5% LNST	: 1.347.208.887

**c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ năm giữ	Giá trị	Tỷ lệ năm giữ
Ông Nguyễn Đức Khả	139.313.090.000	36,07%	128.993.610.000	37,74%
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,00%	20.000	0,00%
Các cổ đông khác	246.889.240.000	63,93%	212.784.060.000	62,26%
<b>Cộng</b>	<b>386.202.350.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>341.777.690.000</b>	<b>100,00%</b>

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.620.235	34.177.769
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	38.620.235	34.177.769
- Cổ phiếu phổ thông	38.620.235	34.177.769
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
- Cổ phiếu phổ thông	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.620.233	34.177.767
- Cổ phiếu phổ thông	38.620.233	34.177.767

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

**23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp a, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	290,24	290,24

**b, Nợ khó đòi đã xử lý**

Đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Trảng An	30.000.000	30.000.000	Không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>1.116.279.409</b>	<b>1.116.279.409</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	3.305.510.172.162	2.655.867.040.646
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	3.298.378.026.796	2.644.674.120.555
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.132.145.366	11.192.920.091
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Chiết khấu thương mại	(46.133.098.927)	(11.321.139.895)
Hàng bán bị trả lại	(324.754.545)	(2.033.885.698)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>3.259.377.073.235</u></b>	<b><u>2.644.545.900.751</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	3.252.244.927.869	2.633.352.980.660
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	7.132.145.366	11.192.920.091

**b, Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ Thuật Nagakawa	39.952.963.059	31.482.617.161
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	14.994.412.034	9.354.869.012
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	132.313.947.000	105.131.574.333
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	101.083.631.664	79.718.746.929
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	809.181.584.325	595.278.065.750
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	584.993.908.780	494.076.778.000
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa	398.980.000	125.608.500

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.054.938.500.614	2.449.291.105.987
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.837.202.013	5.769.752.859
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.028.356.797)	776.818.736
<b>Cộng</b>	<b><u>3.059.747.345.830</u></b>	<b><u>2.455.837.677.582</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, lãi trái phiếu	16.900.364.567	19.741.993.019
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	654.767.214	3.937.835.370
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	10.322	180.171.314
Lãi chậm thanh toán	4.183.540.059	-
<b>Cộng</b>	<b><u>21.738.682.162</u></b>	<b><u>23.859.999.703</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	73.731.350.205	63.310.719.995
Chiết khấu thanh toán cho người mua	3.666.341.775	3.533.713.062
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.862.832.563	3.418.595.627
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	89.713.742	(19.406.711)
<b>Cộng</b>	<b><u>85.350.238.285</u></b>	<b><u>70.243.621.973</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.263.720.324	10.750.184.549
Chi phí vật liệu, bao bì	-	193.238.941
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	196.541.270	381.486.762
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.291.201.332	2.753.314.895
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	8.577.356.736	-
Chi phí quảng cáo, hội nghị khách hàng	-	34.515.950.372
Trích lập dự phòng bảo hành	5.748.186.897	7.441.178.278
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(5.324.716.731)	(5.143.671.464)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.002.083.027	31.039.476.862
Các chi phí khác	3.680.033.200	4.605.614.219
<b>Cộng</b>	<b><u>60.434.406.055</u></b>	<b><u>86.536.773.414</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	17.220.555.348	15.702.913.737
Chi phí vật liệu quản lý	16.850.000	90.240.437
Chi phí đồ dùng văn phòng	347.925.990	343.986.234
Chi phí khấu hao tài sản cố định	635.644.230	439.031.325
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	4.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(8.615.200)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.434.206.223	3.001.154.862
Các chi phí khác	3.961.104.485	5.422.053.455
<b>Cộng</b>	<b><u>26.612.671.076</u></b>	<b><u>25.003.380.050</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	136.363.636
Tiền bồi thường bảo hiểm, phạt vi phạm hợp đồng	86.579.480	-
Xóa nợ	-	3.549.355.695
NCC hỗ trợ phát triển thị trường	-	715.509.431
Thu nhập khác	412.828.936	235.260.533
<b>Cộng</b>	<b><u>499.408.416</u></b>	<b><u>4.636.489.295</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.723.173.485	1.777.881.511
Chi phí không hợp lệ khi tính thuế	983.671.453	62.765.260
Chi phí khác	611	265.260.384
<b>Cộng</b>	<b><u>2.706.845.549</u></b>	<b><u>2.105.907.155</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.763.657.018	33.315.029.575
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.717.637.722	2.534.968.587
<i>Xe ô tô trên 1,6 tỷ</i>	3.717.637.722	2.534.968.587
<i>Các khoản phạt truy thu thuế</i>	375.392.173	384.321.816
<i>Các chi phí không hợp lệ khác</i>	1.723.173.485	1.777.881.511
<i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	983.672.064	62.765.260
- Các khoản điều chỉnh giảm	635.400.000	310.000.000
Thu nhập tính thuế	<u>50.481.294.740</u>	<u>35.849.998.162</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>10.096.258.948</u></b>	<b><u>7.169.999.632</u></b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b><u>2.209.800</u></b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>10.096.258.948</u></b>	<b><u>7.172.209.432</u></b>

**10. Chi phí theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đồ dùng	561.317.260	38.189.809.301
Chi phí nhân công	28.484.275.672	26.453.098.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.188.342.887	5.743.766.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.376.906.466	66.946.408.231
Chi phí bảo hành	9.000.826.902	2.297.506.814
Chi phí dự phòng	(8.615.200)	776.818.736
Chi phí bằng tiền khác	11.281.225.157	10.042.477.674
<b>Cộng</b>	<b><u>92.884.279.144</u></b>	<b><u>150.449.885.486</u></b>

**11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp vì theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 yêu cầu đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất giữa niên độ, không trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của công ty mẹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP****1. Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi nhập gốc	1.347.500.000	-
Bù trừ lãi vay và lãi cho vay	129.782.821	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	28.601.660.000	25.312.280.000
Bù trừ công nợ cho vay và phải trả	-	2.598.100.000
Bù trừ công nợ với tiền phải thu về chia cổ tức	-	3.610.354.648
Bù trừ tiền gửi và gốc vay	14.259.047.813	-
Bù trừ tiền gửi và lãi vay	140.952.187	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng		
Ông Nguyễn Ngọc Quý	534.211.000	-
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	981.871.583	712.618.950
Bà Huy Thị Dung	601.608.250	538.846.175
Ông Trần Bá Đạt	401.185.865	521.378.568
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	701.696.583	580.605.007
Bà Trịnh Thị Phương	319.378.142	436.214.556
Bà Trương Đào Hải Hà	106.000.000	95.948.300
Ông Phạm Anh Tuấn	547.171.000	95.948.300
Ông Đoàn Đức Hòa	106.000.000	95.948.300
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	88.000.000	38.600.000
Bà Phạm Thị Huệ Anh	44.000.000	38.600.000
Bà Vũ Hải Yến	44.000.000	38.600.000
<b>Cộng</b>	<b>4.475.122.424</b>	<b>3.193.308.156</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa  
 Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng  
 Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh  
 Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa

**Mối quan hệ**

Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên  
 Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa  
 Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam  
 Ông Nguyễn Đức Khả  
 Bà Đào Thị Soi

Ông Nguyễn Mạnh Cường  
 Bà Nguyễn Thị Huyền Thương  
 Bà Trịnh Thị Phượng

**Mối quan hệ**

Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty liên kết  
 Cổ đông lớn  
 Mẹ Tổng Giám đốc  
 Chồng Tổng Giám đốc  
 Tổng Giám đốc  
 Kế toán trưởng

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	43.612.750.665	35.855.723.990
Hàng bán trả lại	-	426.399.167
Phải thu tiền lãi chậm thanh toán	703.014.977	-
Phải thu phân bổ chi phí quảng cáo và hội nghị khách hàng	7.701.746.822	3.759.370.840
Thu tiền bán hàng	2.249.099.383	43.013.550.000
Bù trừ công nợ	-	31.864.462.518
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	144.121.543.709	59.263.430.831
Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	13.542.706.000
Bù trừ công nợ với tiền phải thu về chia cổ tức	-	3.610.354.648
Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	120.085.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	145.467.347.460	116.435.509.864
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.085.000.000	107.950.000.000
Bù trừ công nợ	4.580.611.462	5.270.128.652
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	4.580.611.462	5.270.128.652
<b>Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam</b>		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.343.019.927	10.286.301.962
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.055.631.958	12.460.200.000
Phải thu về lãi cho vay	1.113.659.900	643.546.302
Phải trả tiền lãi cho vay	-	129.399.890
Bù trừ lãi cho vay và đi vay	129.782.821	-
Phải trả về tiền vay ngắn hạn	-	3.500.000.000
Trả tiền vay ngắn hạn	-	9.502.000.000
Bù trừ tiền thuê xe và phải thu tiền bán hàng	-	259.200.000
Phải thu tiền cho vay	34.810.000.000	46.296.000.000
Thu tiền cho vay	46.992.040.000	23.300.000.000
Góp vốn bằng tiền	-	12.000.000.000
<b>Công ty cổ phần Nagakawa Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	889.380.016.521	654.805.872.325
Hàng bán bị trả lại, chiết khấu thanh toán	11.188.518.484	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	778.211.984.076	570.225.429.399
Phải trả tiền cung cấp nhân sự bán hàng	-	615.663.590
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	35.635.760.958	20.436.149.039

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Phải trả về các chi phí bán hàng cho DMX	13.113.967.856	29.521.609.400
Bù trừ công nợ	35.635.760.958	20.436.149.039
<b>Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	109.947.292.095	87.673.621.623
Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại	12.248.182.800	-
Bù trừ công nợ	2.849.765.600	1.230.830.000
Bù trừ công nợ 3 bên	-	2.215.514.400
Thu tiền bán hàng	91.685.000.000	58.106.710.000
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	2.849.765.600	1.230.830.000
<b>Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	642.362.782.655	543.484.455.800
Thu tiền bán hàng	709.325.111.000	496.235.000.000
Bù trừ công nợ phải thu phải trả	4.800.000.000	7.481.900.000
Phải thu tiền lãi cho vay	-	418.661.919
Phải trả về thuê kho	5.760.000.000	5.760.000.000
Bù trừ phải thu cho vay và phải trả	-	2.598.100.000
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ cao Nagakawa</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	436.652.800	138.169.350
Thu tiền bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	471.251.200	64.858.217
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	1.128.246.200	541.023.200
Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	563.031.200	541.023.200
Góp vốn bằng tiền	-	1.100.000.000

**Ông Nguyễn Đức Khả**

Trả trước tiền chuyển nhượng bất động sản 12.500.000.000

**Bà Nguyễn Thị Huyền Thương**

Trả trước tiền chuyển nhượng bất động sản 20.000.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2; V.3; V.4; V.5; V.6; V.14; V.15; V.18.

**Cam kết bảo lãnh**

Ngoài ra, các bên liên quan khác của công ty đang dùng tài sản để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng như sau: (Xem chi tiết tại thuyết minh V.19)

<b>Tài sản</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Đối tượng sở hữu</b>
Giấy chứng nhận QSDĐ số V930401, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 01510/QSDĐ/449B/2003/QĐ-UB do UBND huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26/06/2003. HĐTC TS số	19.252.000.000	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương và Ông Nguyễn Mạnh Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

<b>Tài sản</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Đối tượng sở hữu</b>
50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HUNGYEN ngày 18/06/2018		
Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019	12.207.000.000	Bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả
Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số AD537451, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01674-2144/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai cấp ngày 21/12/2005, CSH: Ông Nguyễn Đức Khả và Bà Đào Thị Soi, địa chỉ: Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (388 Kim Giang) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020	25.650.000.000	Bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả
Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất số DE 216785, sổ vào sổ cấp GCN: CS 31027 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/06/2022 mang tên Ông Nguyễn Mạnh Cường và Bà Nguyễn Thị Huyền Thương, Căn hộ chung cư số 329, Nhà R1- 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	21.997.000.000	Ông Nguyễn Mạnh Cường và Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/367653/HĐBĐ.	10.799.000.000	Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương
Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ Thôn Đông Lý, Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số DN 115300; sổ vào sổ cấp GCN 06712 Q26/T95 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Giang cấp cho chủ sở hữu: Ông Hoàng Văn Tuyển và bà Bùi Lệ Hằng.	6.984.000.000	Ông Hoàng Văn Tuyển và bà Bùi Lệ Hằng
Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ Khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số BG 952425; sổ vào sổ cấp GCN CT 09311 do UBND thành phố Đà Nẵng xác nhận chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	9.885.000.000	Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng
Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng	72.494.000.000	Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản	Giá trị hợp lý	Đối tượng sở hữu
nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn (theo hợp đồng thể chấp số 02/2019//367653/HĐBĐ ngày 18/09/2019).		
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả theo Hợp đồng cầm cố số 02/2020/367653/HĐBĐ ngày 30/06/2020.	43.059.000.000	Ông Nguyễn Đức Khả
Thể chấp toàn bộ nhà xưởng tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 10, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 26/05/2021.	51.087.000.000	Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên
Các máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần may KLW Việt Nam	12.251.190.886	Công ty Cổ phần may KLW Việt Nam

## 2. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	237.199.441.967	60.277.937.679	237.199.441.967	60.277.937.679
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	237.952.700.000	334.875.185.547	237.952.700.000	334.875.185.547
Phải thu khách hàng	687.903.606.803	514.961.939.518	687.903.606.803	514.961.939.518
Các khoản cho vay	10.813.960.000	22.996.000.000	10.813.960.000	22.996.000.000
Các khoản phải thu khác	14.016.894.908	13.477.746.676	14.016.894.908	13.477.746.676
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	173.322.955.000	173.412.668.742	173.322.955.000	173.412.668.742
<b>Cộng</b>	<b>1.361.209.558.678</b>	<b>1.120.001.478.162</b>	<b>1.361.209.558.678</b>	<b>1.120.001.478.162</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	1.496.505.392.889	1.135.906.992.519	1.496.505.392.889	1.135.906.992.519
Phải trả người bán	173.798.916.004	147.902.947.738	173.798.916.004	147.902.947.738
Các khoản phải trả khác	10.511.508.122	11.736.332.651	10.511.508.122	11.736.332.651
<b>Cộng</b>	<b>1.680.815.817.015</b>	<b>1.295.546.272.908</b>	<b>1.680.815.817.015</b>	<b>1.295.546.272.908</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
  - Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
  - Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.
4. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**  
Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo tổng hợp này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
5. **Thông tin so sánh**  
Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Cẩm Vân



Trịnh Thị Phương



Nguyễn Thị Huyền Thương



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		442.600.942	442.600.942		442.600.942	442.600.942
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942
<b>Trả trước cho người bán</b>		2.649.437.295	2.649.437.295		2.666.667.695	2.658.052.495
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000
Guangdong Sky bright Group Co.,ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699
Zhejiang Bingfeng Compressor co.,ltd	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409	96.799.409	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409	96.799.409
Công ty Cổ phần VIETPICTURES AUTO		-	-	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	17.230.400	8.615.200
<b>Cộng</b>		<b>3.092.038.237</b>	<b>3.092.038.237</b>		<b>3.109.268.637</b>	<b>3.100.653.437</b>

